TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 49/2021/DS-PT Ngày: 30 – 12 - 2021 V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đường**

Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị Hiền**

Bà **Võ Thị Trầm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Kim Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2021/TLPT - DS ngày 17 tháng 9 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2021/QĐ-PT ngày 03/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**

Địa chỉ: Số 266-268 đường N, phường 8, Quận 3 thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc V

Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ, phòng kiểm soát Ninh Thuận. (Văn bản ủy quyền số 144/2020/GUQ-CNNT ngày 18/9/2020); Ông Vũ có mặt.

2. Bị đơn: **Ông Phan Trọng N**, sinh năm: 1984

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 10/6/2013, Ngân hàng TMCP S đã ký kết với ông Phan Trọng N hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Phan Trọng N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) lãi suất 2,5%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Phan Trọng N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 21.124.191 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Phan Trọng N đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 18.256.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước;
+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;
+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông N đã không thanh toán đúng hạn các khoản tiền; Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N không có thiện chí trả nợ nên ngày 05/6/2015, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 22.394.911 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Ngày 28/6/2018, ông N có thanh toán số tiền 3.900.000 đồng. Ngày 24/7/2018, ông N có thanh toán số tiền 2.900.000 đồng.

Tính đến ngày 16/4/2021, ông Phan Trọng N còn nợ các khoản sau:

+ Số tiền gốc: 15.594.911 đồng
+ Số tiền lãi quá hạn: 51.361.898 đồng

Tổng cộng: 66.956.809 đồng.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Phan Trọng N hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi đến ngày xét xử là 66.956.809 đồng và các khoản lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi ông N tất toán toàn bộ nợ gốc và lãi.

** Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, bị đơn ông Phan Trọng N đã được Tòa án triệu tập nhưng không tham gia nên không có ý kiến trình bày.*

Bản án số 09/2021/DS-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đã:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; - Áp dụng Khoản 1 Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b, c, khoản 4, điều 13; khỏan 4 điều 18, điều 20 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 16/11/2019 của HĐTP TANDTC; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Ông Phan Trọng N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 60.731.019 đồng (Sáu mươi triệu bảy trăm ba mươi mốt ngàn không trăm mười chín đồng), cụ thể: Nợ gốc: 12.831.515 đồng đồng; Nợ lãi từ 05/3/2015 đến 05/6/2015: 3.313.577 đồng; Nợ lãi từ 06/6/2015 đến 16/4/2021: 43.961.288 đồng; Phí trễ hạn: 474.639 đồng; Phí VHM: 150.000 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 17/4/2021 cho đến khi tất toán toàn bộ gốc, lãi theo quy định tại hợp đồng đã ký kết với ngân hàng.

2. Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi vượt quá quy định pháp luật là 6.225.790 đồng (Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm chín mươi đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/5/2021, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP S; Sửa bản án sơ thẩm; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP S đúng hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn ông Phan Trọng N vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; căn cứ khoản 3 Điều 296 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP S kháng cáo đối với khoản tiền bị Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu là 6.225.790 đồng (Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm chín mươi đồng).

[2.1] Theo qui định tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Qui chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước qui định N vụ của chủ thẻ: "Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng tại hợp đồng sử dụng thẻ".

[2.2] Tại Điều 22 và Điều 23 Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã qui định trách nhiệm thanh toán của của chủ thẻ, cách tính lãi, xử lý vi phạm, ông N đã chấp nhận các điều kiện qui định của Ngân hàng và các thỏa thuận này không trái pháp luật.

[2.3] Xét các thỏa thuận của bên phát hành thẻ và chủ thẻ về áp dụng lãi suất, phí phù hợp với qui định tại Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước về Ban hành qui chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[2.4] Như vậy Ngân hàng Thương mại cổ phần S chuyển toàn bộ số dư nợ (gồm gốc và lãi) sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng. Kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần S được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Ngân hàng TMCP S không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S 300.000 đồng tiền tạm úng án phí theo Biên lai số AA/2021/0006497 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước về Ban hành qui chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 16/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S; Buộc ông Phan Trọng N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 66.956.809 đồng (sáu mươi sáu triệu chín trăm năm sáu nghìn tám trăm lẻ chín đồng), gồm: Số tiền gốc: 15.594.911 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 51.361.898 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 17/4/2021 cho đến khi tất toán toàn bộ gốc, lãi theo quy định tại hợp đồng đã ký kết với ngân hàng.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Phan Trọng N phải nộp 3.347.840 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.571.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0000994 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Án phí phúc thẩm: Ngân hàng TMCP S không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S 300.000 đồng tiền tạm ưng án phí theo Biên lai số AA/2021/0006497 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C
- Lưu HS; AV; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đường